



CÔNG TY CỔ PHẦN
SAVIMEX

194 Nguyễn Công Trứ - Quận 1-TP.HCM
Điện thoại: 38.292.806 – Fax: 38.299.642

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2015.

Số: **0177**/2015/SAV/CBTT/CV

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH	
Số: 9610	Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HCM
ĐẾN Ngày: 25/3/15	
Chuyển: NTK	
Lưu hồ sơ số:	

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Công ty: Cổ Phần Hợp Tác Kinh Tế và Xuất Nhập Khẩu Savimex.

Trụ sở chính: 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 38.292.844 Fax: (08) 38.299.642

Người thực hiện công bố thông tin: Võ Vĩnh Đạt – Phòng Kế toán Tài chính

Địa chỉ: 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 38.292.844 Fax: (08) 38.299.642

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo Kiểm toán 2014.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu Văn thư & Cbtt

VÕ VĨNH ĐẠT



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC KINH TẾ
VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX**

*Báo cáo Tài chính
cho năm tài chính 2014 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
đã được kiểm toán*

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC KINH TẾ
VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX**

*Báo cáo Tài chính
cho năm tài chính 2014 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
đã được kiểm toán*

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3 - 4
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11 - 11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 43



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Hợp Tác Kinh Tế Và Xuất Nhập Khẩu SAVIMEX (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2014 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Công ty

Công Ty Cổ Phần Hợp Tác Kinh Tế Và Xuất Nhập Khẩu SAVIMEX được chuyển đổi từ Công ty Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 49/QĐ-TTg ngày 10 tháng 04 năm 2001. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000432 ngày 28/05/2001 và Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0302317892, thay đổi lần thứ 11, ngày 02/05/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 99.634.500.000 VND.

Vốn góp của Công ty đến ngày 31/12/2014 là 99.634.500.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM.

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là (23.915.383.376) VND (Năm 2013 lợi nhuận sau thuế là 4.162.025.667 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 là (24.012.581.056) VND (Năm 2013 lợi nhuận chưa phân phối là 4.162.025.667 VND).

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông :	Kim Soung Gyu	Chủ tịch
Ông :	Trần Như Tùng	Phó Chủ tịch
Ông :	Lee Jung Won	Thành viên
Ông :	Kim Hyun Jun	Thành viên
Bà :	Lim Hong Jin	Thành viên
Bà :	Huỳnh Thị Thu Sa	Thành viên
Ông :	Bùi Ngọc Quới	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông :	Lim Hong Jin	Tổng Giám đốc
Ông :	Lee Jung Won	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Kim Hyun Jun	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát

Ông :	Phạm Thị Thanh Thùy	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà :	Kim Dong Ju	Thành viên BKS
Ông :	Nguyễn Hữu Tuấn	Thành viên BKS

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các qui định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công Ty Cổ Phần Hợp Tác Kinh Tế Và Xuất Nhập Khẩu SAVIMEX phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2014 kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty.

Tp.HCM, ngày 26 tháng 01 năm 2015

Thay mặt Hội đồng Quản trị
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Kim Soung Gyu

Tp.HCM, ngày 26 tháng 01 năm 2015

TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc



Lâm Hong Jin

Số: 108 /BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo Tài chính năm 2014
của Công Ty Cổ Phần Hợp Tác Kinh Tế Và Xuất Nhập Khẩu SAVIMEX

Kính gửi:

- Cổ đông Công Ty Cổ Phần Hợp Tác Kinh Tế Và Xuất Nhập Khẩu SAVIMEX
- Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Hợp Tác Kinh Tế Và Xuất Nhập Khẩu SAVIMEX
- Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Hợp Tác Kinh Tế Và Xuất Nhập Khẩu SAVIMEX

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công Ty Cổ Phần Hợp Tác Kinh Tế Và Xuất Nhập Khẩu SAVIMEX được lập ngày 26/01/2015 từ trang 7 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.



Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong năm 2014, Công ty thực hiện phân bổ chi phí lãi vay cho các khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh là 4.986.757.981 đồng và phân bổ vào các dự án là 5.345.729.912 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Hợp Tác Kinh Tế Và Xuất Nhập Khẩu SAVIMEX tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2015

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam



Tổng Giám đốc

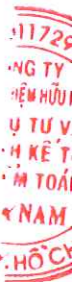
Đỗ Khắc Thanh

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0064-2013-142-1

Kiểm toán viên

Dương Thị Quỳnh Hoa

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0424-2013-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2014	01/01/2014
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		455.805.111.535	559.348.052.574
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	83.448.281.096	29.013.005.062
1. Tiền	111		72.783.219.597	18.468.168.806
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.665.061.499	10.544.836.256
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		121.510.138.724	141.693.999.329
1. Phải thu khách hàng	131		146.931.963.916	124.325.436.615
2. Trả trước cho người bán	132		12.064.506.871	40.440.845.968
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	2	8.766.529.087	11.915.166.675
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(46.252.861.150)	(34.987.449.929)
IV. Hàng tồn kho	140	3	231.158.876.953	363.780.273.179
1. Hàng tồn kho	141		235.826.608.783	365.871.982.904
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(4.667.731.830)	(2.091.709.725)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.687.814.762	24.860.775.004
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		169.598.668	1.326.544.788
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.783.541.871	9.956.600.153
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	4	2.102.534.964	2.570.417.853
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5	10.632.139.259	11.007.212.210
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		131.906.541.592	94.599.969.162
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2014	01/01/2014
TÀI SẢN				
II. Tài sản cố định	220		74.617.358.472	61.907.032.854
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	69.955.081.098	56.904.682.923
- Nguyên giá	222		156.401.509.958	138.343.615.358
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(86.446.428.860)	(81.438.932.435)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	7	4.662.277.374	4.707.575.189
- Nguyên giá	228		6.792.156.176	6.564.883.449
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.129.878.802)	(1.857.308.260)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	-	294.774.742
III. Bất động sản đầu tư	240	9	17.283.120.655	732.488.423
- Nguyên giá	241		18.635.142.610	1.936.218.974
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(1.352.021.955)	(1.203.730.551)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	10.999.788.614	10.957.238.148
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	10.1	13.120.448.561	13.120.448.561
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	10.2	(2.120.659.947)	(2.163.210.413)
V. Tài sản dài hạn khác	260		29.006.273.851	21.003.209.737
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	28.114.673.851	20.002.457.069
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	-	109.152.668
3. Tài sản dài hạn khác	268		891.600.000	891.600.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		587.711.653.127	653.948.021.736

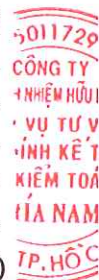


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2014	01/01/2014
NGUỒN VỐN				
A . NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		333.956.903.702	372.018.665.588
I. Nợ ngắn hạn	310		309.913.905.727	350.550.838.185
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	175.914.626.966	141.183.053.452
2. Phải trả người bán	312		66.396.614.570	77.756.183.942
3. Người mua trả tiền trước	313		31.809.562.944	61.842.589.816
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	6.335.482.146	1.906.550.499
5. Phải trả công nhân viên	315		7.714.060.256	7.015.497.918
6. Chi phí phải trả	316	14	242.542.347	10.329.467.891
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	22.337.747.331	50.764.242.209
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	19.5	(836.730.833)	(246.747.542)
II. Nợ dài hạn	330		24.042.997.975	21.467.827.403
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		598.123.000	477.123.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	16	20.231.491.149	14.291.143.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	18	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	17	3.213.383.826	6.699.561.403
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 +430)	400	19	253.754.749.425	281.929.356.148
I. Vốn chủ sở hữu	410		253.754.749.425	281.929.356.148
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		99.634.500.000	99.634.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		144.032.786.110	144.032.786.110
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(7.315.281.096)	(7.315.281.096)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		11.948.321.889	11.948.321.889
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.029.104.659	2.029.104.659
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(24.012.581.056)	4.162.025.667
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		27.437.898.919	27.437.898.919
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		587.711.653.127	653.948.021.736



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
- Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VNĐ)		179.975.000	276.475.000
- Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (YEN)		46.246.822	138.224.947
- Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (USD)		60.200	193.240
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		1.429.008,73	770.688,95
- EUR		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập, ngày 26 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

Võ Vĩnh Đạt

Kế toán trưởng

Phạm Hoàng Sơn

Tổng Giám đốc



Lim Hong Jin

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	662.295.013.521	551.467.190.495
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		41.040.250	174.406.389
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		662.253.973.271	551.292.784.106
4. Giá vốn hàng bán	21	606.806.713.582	493.241.274.501
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		55.447.259.689	58.051.509.605
6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	2.975.296.681	4.256.145.851
7. Chi phí tài chính	22	7.289.303.027	4.297.910.208
+ Trong đó: chi phí lãi vay		5.064.572.659	1.921.079.617
8. Chi phí bán hàng		14.357.108.902	12.764.700.279
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		51.101.855.099	41.355.603.707
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(14.325.710.658)	3.889.441.262
11. Thu nhập khác	20.3	1.209.043.883	2.489.853.068
12. Chi phí khác	23	7.223.757.317	550.343.026
13. Lợi nhuận khác		(6.014.713.434)	1.939.510.042
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(20.340.424.092)	5.828.951.304
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	3.465.806.616	1.704.109.736
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	25	109.152.668	(37.184.099)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(23.915.383.376)	4.162.025.667
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	27	(2.500)	435

Lập, ngày 26 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu



Võ Vĩnh Đạt

Kế toán trưởng



Phạm Hoàng Sơn

Tổng Giám đốc



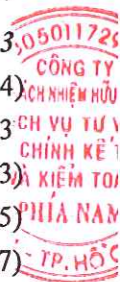
Lâm Hồng Jin

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Đơn vị tính: VNĐ	
		Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế		(20.340.424.092)	5.828.951.304
2 Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ		5.428.358.371	8.532.171.522
- Các khoản dự phòng		13.798.882.860	(4.153.810.047)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện		579.243.686	21.064.268
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(630.773.414)	(2.749.449.051)
- Chi phí lãi vay		5.064.572.659	1.921.079.617
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.899.860.070	9.400.007.613
- Tăng, giảm các khoản phải thu		12.934.932.267	(3.876.835.814)
- Tăng, giảm hàng tồn kho		130.045.374.121	26.357.912.823
- Tăng, giảm các khoản phải trả		(77.272.724.278)	(58.041.807.923)
- Tăng, giảm chi phí trả trước		(6.955.270.662)	(2.782.377.405)
- Tiền lãi vay đã trả		(9.156.185.957)	(10.937.630.247)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.518.568.899)	(347.299.748)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		524.050.000	493.667.087
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(1.967.631.168)	(3.727.100.952)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		50.533.835.494	(43.461.464.566)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác		(44.350.779.828)	(28.231.446.830)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác		(47.241.245)	109.848.484
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ của đơn vị khác		-	(45.062.937.398)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ cho đơn vị khác		10.554.204.831	65.333.101.142
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
6. Tiền thu hồi vốn góp từ đơn vị khác		1.159.840.055	5.536.000.000
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	1.572.816.009
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(32.683.976.187)	(742.618.593)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp khác của chủ sở hữu		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN đ:		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		443.443.310.957	367.468.950.351
4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(402.771.389.294)	(326.740.769.031)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.872.164.360)	(7.073.701.141)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		36.799.757.303	33.654.480.179



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VNĐ		
	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)		54.649.616.610	(10.549.602.979)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		29.013.005.062	39.625.065.490
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(214.340.576)	(62.457.449)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	31	83.448.281.096	29.013.005.062

Lập, ngày 26 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

Võ Vĩnh Đạt

Kế toán trưởng

Phạm Hoàng Sơn

Tổng Giám đốc



Lâm Hồng Jin



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Hợp Tác Kinh Tế Và Xuất Nhập Khẩu SAVIMEX được chuyển đổi từ Công ty Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 49/QĐ-TTg ngày 10 tháng 04 năm 2001. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000432 ngày 28/05/2001 và Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0302317892, thay đổi lần thứ 11, ngày 02/05/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 99.634.500.000 VND.

Vốn góp của Công ty đến ngày 31/12/2014 là 99.634.500.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM.

2. Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất kinh doanh hàng xuất nhập khẩu lâm sản chế biến, nông thủy hải sản, thực phẩm, bao bì, hàng thủ công mỹ nghệ, kim khí điện máy, vật tư nguyên liệu, phụ tùng, vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải, dịch vụ xuất nhập khẩu và thương mại (trừ sản xuất thực phẩm tươi sống, tái chế phế thải, chế biến gỗ, sản xuất gốm sứ, thủy tinh, gia công cơ khí, xi mạ điện); Kinh doanh dịch vụ kho bãi; Xây dựng và kinh doanh nhà; Mua bán xe máy, xe đạp, máy vi tính và thiết bị máy vi tính; Vận tải xăng dầu; Mua bán khí đốt hóa lỏng (gas) (không mua bán tại trụ sở), bếp ga, đồ dùng cá nhân và gia đình, bách hóa, mỹ phẩm; Sửa chữa, lắp ráp xe đạp; Mua bán điện thoại di động, cố định; Cho thuê nhà; Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt, mỡ; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô.

II Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

2.1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung.

2.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

3. Các chính sách kế toán áp dụng

3.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời phát sinh được hạch toán theo tỷ giá thực tế phát sinh của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản hoặc tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở nhiều tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

3.2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

3.3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 30 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 06 - 08 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 - 09 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 - 05 năm |

3.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn

3.6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

3.7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

3.8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

3.9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

3.10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

3.11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

3.13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

3.14. Công cụ tài chính

3.14.1. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán: là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

3.14.2. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014***III. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***Đơn vị tính: VND***1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2014</u> VND	<u>01/01/2014</u> VND
Tiền mặt	559.872.676	215.328.803
Tiền gửi ngân hàng	72.223.346.921	18.252.840.003
<i>Tiền gửi VND</i>	41.862.627.357	2.040.627.251
<i>Tiền gửi ngoại tệ</i>	30.360.719.564	16.212.212.752
Các khoản tương đương tiền	10.665.061.499	10.544.836.256
<i>(Tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng)</i>		
Tổng cộng	<u><u>83.448.281.096</u></u>	<u><u>29.013.005.062</u></u>

Ghi chú:

- Tiền mặt tồn quỹ trên bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2014 khớp với biên bản kiểm kê thực tế
- Tiền gửi Ngân hàng vào ngày 31/12/2014 trên bảng cân đối kế toán phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng.

2. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u> VND	<u>01/01/2014</u> VND
	8.766.529.087	11.915.166.675
1. Phải thu về cổ phần hóa	-	-
2. Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
3. Phải thu về lao động	-	-
4. Phải thu khác	8.766.529.087	11.915.166.675

Chi tiết số dư khoản mục phải thu khác tại ngày 31/12/2014 là:

<i>Cty CP. ĐT XD và May thêu Tân Tiến</i>	5.094.736.390
<i>Cty CP Điện lực Sài Gòn ViNa</i>	492.552.061
<i>Ban Quản Lý DA Khu DC Bình Hòa</i>	866.395.624
<i>Cty CP. Đầu tư chứng khoán BSC</i>	46.331.808
<i>Thuế Thu nhập cá nhân</i>	1.275.135
<i>Hàng cho mượn</i>	61.770.696
<i>Thuế GTGT tạm đóng trước theo BB hoàn thuế</i>	74.270.829
<i>Thuế TNCN và Lệ phí trước bạ đền bù DA Phú Mỹ</i>	709.269.700
<i>Các đối tượng khác</i>	1.419.926.844
Tổng cộng	<u><u>8.766.529.087</u></u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014***3. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2014</u> VND	<u>01/01/2014</u> VND
Giá gốc của hàng tồn kho		
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	37.652.761.528	52.485.116.277
- Công cụ, dụng cụ	176.001.855	322.496.793
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	167.160.019.621	278.708.956.388
Sản phẩm dở dang - Thành phẩm	24.232.945.349	29.814.361.419
Chi phí sản xuất dở dang - Trang trí nội thất	13.309.945.213	5.956.105.217
Chi phí sản xuất dở dang - Bất động sản đầu tư	129.617.129.059	242.938.489.752
<i>Cao Ốc Nguyễn Phúc Nguyên - Quận 3</i>	<i>448.312.441</i>	<i>806.933.725</i>
<i>KDC Phú Thuận - Quận 7</i>	<i>416.284.838</i>	<i>446.232.722</i>
<i>Chung cư Ngọc Lan - Quận 7</i>	<i>9.593.438.166</i>	<i>53.401.514.719</i>
<i>Dự án Phú Mỹ - Quận 7</i>	<i>48.135.573.452</i>	<i>115.140.484.501</i>
<i>Dự án Đào Trí - Quận 7</i>	<i>69.513.408.488</i>	<i>69.373.408.488</i>
<i>KDC Tân Thới Hiệp - Quận 12</i>	<i>208.231.718</i>	<i>232.078.742</i>
<i>KDC Bình Trị Đông - Bình Chánh</i>	<i>1.117.771.901</i>	<i>1.402.975.588</i>
<i>Công trình Trường Cán Bộ - TP.HCM</i>	<i>184.108.055</i>	<i>184.108.055</i>
<i>Dự án DL & sinh thái Tuyền Lâm - Đà Lạt</i>	<i>-</i>	<i>1.950.753.212</i>
- Thành phẩm	29.539.675.449	24.365.627.353
- Hàng hoá	1.298.150.330	907.533.424
- Hàng gửi đi bán	-	558.090.761
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
- Hàng hóa bất động sản	-	8.524.161.908
Tổng cộng	<u>235.826.608.783</u>	<u>365.871.982.904</u>
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.667.731.830)	(2.091.709.725)

**4. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2014</u> VND	<u>01/01/2014</u> VND
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	252.477.830	-
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước:	1.850.057.134	2.570.417.853
+ <i>Thuế nhập khẩu tạm nộp</i>	<i>1.850.057.134</i>	<i>2.570.417.853</i>
Tổng cộng	<u>2.102.534.964</u>	<u>2.570.417.853</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014***5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Tạm ứng	529.557.041	905.098.753
<i>Tại Văn Phòng Công Ty</i>	<i>175.116.650</i>	<i>252.249.059</i>
<i>Nhà máy SATIMEX</i>	<i>261.003.791</i>	<i>229.483.005</i>
<i>XN. Trang trí nội thất - Savidecor</i>	<i>75.784.600</i>	<i>390.153.373</i>
<i>XN. Sản xuất bao bì - Savipack</i>	<i>17.652.000</i>	<i>33.213.316</i>
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.102.582.218	10.102.113.457
<i>Lãi tiền gửi ký quỹ SGD II</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>10.102.113.457</i>
<i>Các khoản ký quỹ khác</i>	<i>102.582.218</i>	
Tổng cộng	<u><u>10.632.139.259</u></u>	<u><u>11.007.212.210</u></u>



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Số dư đầu năm	54,520,079,878	71,511,352,749	9,890,594,295	1,677,461,361	744,127,075	138,343,615,358
2. Số tăng trong kỳ	754,445,000	24,164,733,542	2,395,094,923	-	110,310,000	27,424,583,465
<i>Bao gồm:</i>						
- Mua trong kỳ	754,445,000	24,164,733,542	2,395,094,923	-	110,310,000	27,424,583,465
- Đầu tư XDCN hoàn thành						-
3. Số giảm trong kỳ	-	8,752,421,014	474,894,851	139,373,000	-	9,366,688,865
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán	-	6,555,048,199	277,739,962	139,373,000		6,972,161,161
- Giảm khác		2,197,372,815	197,154,889			2,394,527,704
4. Số dư cuối kỳ	55,274,524,878	86,923,665,277	11,810,794,367	1,538,088,361	854,437,075	156,401,509,958
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	35,509,162,229	37,572,035,510	6,628,315,304	1,332,068,753	397,350,639	81,438,932,435
2. Khấu hao trong kỳ	3,275,596,092	6,574,983,901	902,578,291	77,794,602	122,214,900	10,953,167,786
<i>Bao gồm:</i>						
- Khấu hao tăng trong kỳ	3,275,596,092	6,574,983,901	902,578,291	77,794,602	122,214,900	10,953,167,786
- Tăng khác	-					-
3. Giảm trong kỳ	-	5,596,513,705	242,084,656	107,073,000	-	5,945,671,361
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán	-	5,458,151,127	235,520,204	107,073,000		5,800,744,331
- Giảm khác		138,362,578	6,564,452			144,927,030
4. Số dư cuối kỳ	38,784,758,321	38,550,505,706	7,288,808,939	1,302,790,355	519,565,539	86,446,428,860
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
1. Tại ngày đầu năm	19,010,917,649	33,939,317,239	3,262,278,991	345,392,608	346,776,436	56,904,682,923
2. Tại ngày cuối kỳ	16,489,766,557	48,373,159,571	4,521,985,428	235,298,006	334,871,536	69,955,081,098

Ghi chú: Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng

26,569,538,174 đồng

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hư hỏng chờ thanh lý và tài sản không sử dụng

14,314,061,661 đồng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	TSCĐ khác	Đơn vị tính: VND
						Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình						
1. Số dư đầu năm	4.020.325.500		-	2.544.557.949	-	6.564.883.449
2. Số tăng trong kỳ	227.272.727	-	-	-	-	227.272.727
Bao gồm:						
- Mua trong kỳ	227.272.727					227.272.727
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Bao gồm:						
- Thanh lý, nhượng bán						
4. Số dư cuối kỳ	4.247.598.227	-	-	2.544.557.949	-	6.792.156.176
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	223.322.729		-	1.633.985.531	-	1.857.308.260
2. Khấu hao trong kỳ	-	-	-	272.570.542	-	272.570.542
Bao gồm:						
- Khấu hao tăng trong kỳ				272.570.542		272.570.542
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Bao gồm:						
- Thanh lý nhượng bán						
4. Số dư cuối kỳ	223.322.729	-	-	1.906.556.073	-	2.129.878.802
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình						
1. Tại ngày đầu năm	3.797.002.771	-	-	910.572.418	-	4.707.575.189
2. Tại ngày cuối kỳ	4.024.275.498	-	-	638.001.876	-	4.662.277.374

Ghi chú: Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn tại Nhà Máy Satimex có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2014 là 4.024.275.498 đồng được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cho khoản vay ngắn hạn như một tài sản đảm bảo, theo như thuyết minh III.12.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
- Chi phí XD/CB dở dang	-	-
- Mua sắm tài sản cố định	-	294.774.742
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-
Tổng cộng	-	294.774.742

9. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
I. Nguyên giá BĐS đầu tư	1.936.218.974	16.698.923.636	-	18.635.142.610
1. Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
2. Nhà và quyền sử dụng đất	1.936.218.974	16.698.923.636	-	18.635.142.610
II. Giá trị hao mòn lũy kế	1.203.730.551	148.291.404	-	1.352.021.955
1. Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
2. Nhà và quyền sử dụng đất	1.203.730.551	148.291.404	-	1.352.021.955
III. Giá trị còn lại BĐS đầu tư	732.488.423	16.550.632.232	-	17.283.120.655
1. Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
2. Nhà và quyền sử dụng đất	732.488.423	16.550.632.232	-	17.283.120.655

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
10.1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (**)	13.120.448.561	13.120.448.561
10.2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(2.120.659.947)	(2.163.210.413)
Tổng cộng	10.999.788.614	10.957.238.148

(**) Chi tiết số dư khoản mục đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh:

	Tỷ lệ vốn	31/12/2014 VND	Tỷ lệ vốn	01/01/2014 VND
Công Ty Liên Doanh Champa - Savi	42 %	13.120.448.561	49 %	13.120.448.561
Tổng cộng		13.120.448.561		13.120.448.561

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	296.520.292	858.642.309
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.645.867.540	1.753.678.654
Chi phí quảng cáo, môi giới cho DA. Ngọc Lan Q7	654.545.454	818.181.818
Chi phí thuê đất tại Khu CN Nhị Xuân	25.483.990.565	16.566.367.162
Bảo hiểm rủi ro cháy nổ 167 NPN	-	-
Bảng vẽ quảng cáo 234 Trường Sơn; 741 Hậu Giang	-	5.587.126
Chi phí trả trước dài hạn khác	33.750.000	-
Tổng cộng	28.114.673.851	20.002.457.069

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
12.1. Vay ngắn hạn	175.914.626.966	141.183.053.452
- Vay ngân hàng	144.414.626.966	141.183.053.452
Ngân hàng BIDV, chi nhánh TP.HCM	73.833.929.623	50.428.105.417
Ngân hàng Vietcombank, TP.HCM	70.580.697.343	80.306.827.172
Ngân hàng Vietinbank, CN 11 TP.HCM	-	10.448.120.863
- Vay đối tượng khác	31.500.000.000	-
E.Land Việt Nam	31.500.000.000	-
12.2. Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Tổng cộng	175.914.626.966	141.183.053.452

Tài sản đảm bảo:

1. Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam – Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 382/70 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Tp HCM (Hợp đồng thế chấp tài sản 07/2014/93890/HĐTC ngày 28/04/2014) - Hợp Đồng Tín Dụng 84/2014/93980/HĐTD ngày 26/03/2014.

Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ của bên Công ty CP Hợp Tác Kinh Tế và Xuất Nhập Khẩu – Savimex tại Ngân hàng và các Tổ chức tín dụng khác.

Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn theo Hợp đồng cầm cố Hợp đồng tiền gửi số 01/2012/93980 ngày 03/08/2012.

Các khoản phải thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty CP Hợp Tác Kinh Tế và Xuất Nhập Khẩu – Savimex và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng.

Các Hợp đồng bảo đảm khác có liên quan đến nghĩa vụ của bên Công ty CP Hợp Tác Kinh Tế và Xuất Nhập Khẩu – Savimex theo Hợp đồng này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

2. Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q553359 do UBND Tp HCM cấp ngày 13/07/2000 tại Phường Hiệp Thành, Quận 12, Tp HCM với diện tích 33.602 m² theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0232/NHNT ngày 21/06/2013.

3. Eland Việt Nam

Theo hợp đồng vay số 01/2014, Eland Việt Nam cho công ty CP Hợp Tác Kinh Tế và Xuất Nhập Khẩu Savimex vay bằng hình thức tín chấp.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
13.1. Thuế phải nộp nhà nước	6.335.482.146	1.906.550.499
- Thuế GTGT	2.755.702.107	672.357.262
- Thuế TTĐB	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế TNDN	3.419.935.205	1.220.219.657
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất	-	-
- Tiền thuê đất	-	-
- Các loại thuế khác	159.844.834	13.973.580
+ Thuế thu nhập cá nhân	159.844.834	13.973.580
+ Các loại thuế khác	-	-
13.2. Các khoản phải nộp khác	-	-
- Các khoản phí, lệ phí	-	-
- Các khoản phải nộp khác	-	-
Tổng cộng	6.335.482.146	1.906.550.499

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
- Chi phí sang nhượng QSDĐ dự án Bình Trị Đông	-	9.000.000.000
- Trích trước chi phí dự án Ngọc Lan, Everich, Satra, khác	-	779.932.699
- Trích trước chi phí lãi vay	242.542.347	194.544.740
- Chi phí độc hại	-	268.245.761
- Chi phí sửa chữa, khác	-	86.744.691
Tổng cộng	242.542.347	10.329.467.891

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
- Tổng Cty TM Sài Gòn - TNHH MTV (Satra)	15.833.304.933	42.710.804.933
- Cty CP BĐS Điện lực Vina	-	3.305.503.345
- Phí bảo trì chung cư Ngọc Lan	4.380.199.680	2.778.537.286
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	379.867.714	248.838.712
- Kinh phí công đoàn	230.740.466	327.837.287
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.450.900	7.237.900
- Phí BH cháy nổ chung cư 167 NPN	191.658.310	191.658.310
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000	10.000.000
- Cổ tức phải trả	266.340.869	230.412.259
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.044.184.459	953.412.177
Tổng cộng	22.337.747.331	50.764.242.209

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
16.1. Vay dài hạn	20.231.491.149	14.291.143.000
- Vay ngân hàng	20.231.491.149	14.291.143.000
- Ngân hàng BIDV, chi nhánh TP.HCM	20.231.491.149	14.291.143.000
- Vay đối tượng khác	-	-
- Trái phiếu phát hành	-	-
16.2. Nợ dài hạn	-	-
- Thuê tài chính	-	-
- Nợ dài hạn khác	-	-
Tổng cộng	20.231.491.149	14.291.143.000

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Doanh thu chưa phần bổ DA Ngọc Lan	3.213.383.826	6.699.561.403
Tổng cộng	3.213.383.826	6.699.561.403

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

18. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ

- 109.152.668

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng

- Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ những năm trước

(109.152.668)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

- 109.152.668

b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế

- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải đã được ghi nhận từ các năm trước

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Số dư đầu năm nay	99.634.500.000	144.032.786.110	(7.315.281.096)	11.948.321.889	2.029.104.659	4.162.025.667
- Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	(23.915.383.376)
- Tăng do phát hành thêm cổ phiếu						
- Lợi nhuận tăng trong kỳ						(23.915.383.376)
- Trích từ lợi nhuận năm trước						
- Tăng khác						
- Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	4.259.223.347
Trong đó:						
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-
. Quỹ Đầu tư phát triển						-
. Quỹ Dự phòng tài chính						-
. Quỹ Khen thưởng phúc lợi						-
- Chi thù lao, thưởng HĐQT và BKS						-
- Chia cổ tức						3.827.072.000
- Giảm khác						432.151.347
- Số dư cuối kỳ	99.634.500.000	144.032.786.110	(7.315.281.096)	11.948.321.889	2.029.104.659	(24.012.581.056)

19.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	%	Đầu năm	%
Vốn đầu tư của Nhà nước - đại diện bởi TCTy TM Sài Gòn	-	0,00%	13.500.000.000	13,55%
Vốn góp của các đối tượng khác (cổ đông, thành viên...)*	99.634.500.000	100,00%	86.134.500.000	86,45%
Thặng dư vốn cổ phần	144.032.786.110		144.032.786.110	
Cổ phiếu ngân quỹ (số lượng: 395.770 CP)	(7.315.281.096)		(7.315.281.096)	
Tổng cộng	236.352.005.014	100%	236.352.005.014	100%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

(*) Trong năm 2014, vốn góp của các cổ đông, thành viên... Công ty SAVIMEX có thay đổi theo danh sách được công bố tại ngày 31/12/2014 dưới đây:

<i>E.Land Asia Holdings (Singapore)</i>	40.448.640.000	40,60%
<i>Cty CP Chứng Khoán Bản Việt</i>	18.881.950.000	18,95%
<i>Vốn góp của các cổ đông khác</i>	40.303.910.000	40,45%
Cộng	99.634.500.000	100%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

19.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2014	Năm 2013
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	99.634.500.000	99.634.500.000
+ Vốn góp đầu năm	99.634.500.000	99.634.500.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	99.634.500.000	99.634.500.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	3.827.072.000	7.073.701.141

19.4. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán:
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường:
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:

19.5. Cổ phiếu

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.963.450	9.963.450
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.963.450	9.963.450
+ Cổ phiếu thường	9.963.450	9.963.450
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	395.770	395.770
+ Cổ phiếu thường	395.770	395.770
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.567.680	9.567.680
+ Cổ phiếu thường	9.567.680	9.567.680
+ Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

19.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	11.948.321.889	11.948.321.889
- Quỹ dự phòng tài chính	2.029.104.659	2.029.104.659
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	(836.730.833)	(246.747.542)
- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	27.437.898.919	27.437.898.919

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Mục đích của trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

19.6.1. Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- a) Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- b) Bù đắp khoản lỗ của công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu.

19.6.2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để

- a) Bổ sung vốn điều lệ cho công ty.
- b) Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.

19.6.3. Quỹ khen thưởng, phúc lợi được dùng để:

- a) Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty.
- b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty.
- c) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của công ty.
- d) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.
- e) Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội.
- f) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;
- g) Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

20. DOANH THU

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013
20.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Tổng doanh thu	662.295.013.521	551.467.190.495
Doanh thu bán hàng, thành phẩm	468.297.347.058	458.856.854.453
Doanh thu bán bất động sản	157.706.545.986	58.150.614.098
Doanh thu bất động sản đầu tư	3.587.134.400	7.061.423.844
Doanh thu bán hàng, trang trí nội thất	25.891.796.433	20.153.805.769
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.812.189.644	7.244.492.331
- Các khoản giảm trừ doanh thu	41.040.250	174.406.389
+ Chiết khấu thương mại	-	-
+ Giảm giá hàng bán	31.854.054	108.399.378
+ Hàng bán bị trả lại	9.186.196	66.007.011
+ Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)	-	-
+ Thuế TTĐB	-	-
+ Thuế xuất khẩu	-	-
- Doanh thu thuần	662.253.973.271	551.292.784.106
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng, thành phẩm	468.256.306.808	458.682.448.064
Doanh thu bán bất động sản	157.706.545.986	58.150.614.098
Doanh thu bất động sản đầu tư	3.587.134.400	7.061.423.844
Doanh thu bán hàng, trang trí nội thất	25.891.796.433	20.153.805.769
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.812.189.644	7.244.492.331
20.2. Doanh thu hoạt động tài chính	2.975.296.681	4.256.145.851
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.159.840.055	1.572.816.009
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.574.592.847	2.683.329.842
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	240.863.779	-
20.3. Thu nhập khác	1.209.043.883	2.489.853.068
- Thanh lý tài sản cố định	1.008.181.819	158.181.818
- Kết chuyển công nợ lâu năm	38.791.445	644.315.536
- Thu phạt do vi phạm hợp đồng căn hộ Ngọc Lan	-	75.514.933
- Khách hàng đền bù tiền nguyên liệu	106.422.000	83.195.981
- Thu nhập khác	55.648.619	1.528.644.800

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014	Năm 2013
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	446.260.492.839	410.152.122.249
Giá vốn bán bất động sản	135.673.842.353	57.977.041.240
Giá vốn bán hàng, trang trí nội thất	18.593.651.403	14.128.613.475
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	1.290.495.634	5.994.639.286
Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.988.231.353	4.988.858.251
Tổng cộng	606.806.713.582	493.241.274.501

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014*

Đơn vị tính: VND

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Năm 2014</i>	<i>Năm 2013</i>
- Chi phí trả lãi vay	5.064.572.659	1.921.079.617
- Phí bảo lãnh But	36.248.292	534.104.117
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(42.550.466)	(53.990.258)
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.507.692.652	1.741.412.846
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	476.583.791	-
- Chi phí tài chính khác	246.756.099	155.303.886
Tổng cộng	7.289.303.027	4.297.910.208

23. CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm 2014</i>	<i>Năm 2013</i>
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	1.055.423.064	48.333.334
- Phạt vi phạm hành chính thuế	403.869.556	11.100.000
- Kết chuyển công nợ lâu năm, thừa thiếu thanh toán	578.403.391	601
- Xử lý công nợ thuế GTGT của D/A Ngọc Lan và Phú Thuận	4.952.408.589	-
- Chi phí khác	233.652.717	490.909.091
Tổng cộng	7.223.757.317	550.343.026

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<i>Năm 2014</i>	<i>Năm 2013</i>
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.465.806.616	1.704.109.736
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng cộng	3.465.806.616	1.704.109.736

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

Chỉ tiêu	<i>Năm 2014</i>	<i>Năm 2013</i>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(20.340.424.092)	5.828.951.304
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	10.203.430.837	987.487.639
+ Các khoản điều chỉnh tăng	10.210.350.837	987.487.639
<i>Chi phí ngoại trừ khi tính thuế</i>	9.741.810.226	838.751.242
<i>Lỗ CLTG đánh giá cuối kỳ (tiền, công nợ phải thu)</i>	468.540.611	148.736.397
+ Các khoản điều chỉnh giảm	6.920.000	-
<i>Hoàn nhập dự phòng công nợ phải thu</i>	6.920.000	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	(10.136.993.255)	6.816.438.943

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Trong đó: - Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	16.249.814.926	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (22%) (a)	3.574.959.284	1.704.109.736
- Thuế TNDN phải nộp trên CLTG chưa thực hiện năm trước trở thành đã thực hiện trong năm nay (b)	(109.152.668)	
- Thuế TNDN còn phải nộp (a) + (b)	3.465.806.616	1.704.109.736

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2014	Năm 2013
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	(37.184.099)
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	109.152.668	
Tổng cộng	109.152.668	(37.184.099)

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013
1. Chi phí nguyên liệu, vật liệu	447.399.040.389	349.360.125.696
2. Chi phí nhân công	123.987.290.326	117.038.147.098
3. Chi phí khấu hao TSCĐ	11.245.264.054	9.414.603.421
4. Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.406.751.422	61.213.678.484
5. Chi phí khác bằng tiền	10.550.754.246	6.866.159.619
6. Chi phí dự phòng	11.676.577.146	3.468.864.169
Tổng cộng	672.265.677.583	547.361.578.487

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(23.915.383.376)	4.162.025.667
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng		
+ Các khoản điều chỉnh giảm		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	(23.915.383.376)	4.162.025.667
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.567.680	9.567.680
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.500)	435

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014**Đơn vị tính: VND***IV. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Cam kết thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Trong năm thứ nhất	-	1.592.379.056
Trong năm thứ 2	-	1.548.552.110
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	1.504.725.163
Cộng	<u>-</u>	<u>4.645.656.329</u>

Các khoản thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê và lãi trả chậm 3%/năm đối với 26,101m² tại cụm Công Nghiệp Nhì Xuân với giá thuê đất tạm tính 13,000 đồng/m²/năm nhân với hệ số vị trí đất từng lô. Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 12 tháng 06 năm 2007.

2. Cam kết không hủy ngang

Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số: 056/HĐ-EVNLSG-ĐT ngày 27 tháng 11 năm 2008 giữa Công ty Cổ Phần Bất Động Sản Điện Lực Sài Gòn Vina và Công ty Cổ Phần Hợp Tác Kinh Tế & Xuất Nhập Khẩu Savimex về việc hợp tác đầu tư dự án chung cư Ngọc Lan tại phường Phú Thuận, Quận 7, Tp HCM. Công ty cam kết góp 50% vốn chủ đầu tư tham gia vào dự án. Hai bên sẽ tiến hành chia sản phẩm từ dự án bao gồm các căn hộ và diện tích sàn kinh doanh thương mại theo tỷ lệ góp vốn mỗi bên 50%.

3. Công cụ tài chính

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa cơ cấu vốn nguồn vốn (duy trì tỷ lệ nợ phải trả trong tổng nguồn vốn và tỷ lệ vốn chủ sở hữu phù hợp).

Cấu trúc nguồn vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (các khoản vay và nợ, phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Các khoản vay	196.146.118.115	155.474.196.452
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(83.448.281.096)	(29.013.005.062)
Nợ thuần	112.697.837.019	126.461.191.390
Vốn Chủ sở hữu	253.754.749.425	281.929.356.148
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>44,41%</u>	<u>44,86%</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	83.448.281.096	29.013.005.062
Phải thu khách hàng	100.679.102.766	89.337.986.686
Phải thu khác	8.766.529.087	11.915.166.675
Ký quỹ ký cược	10.632.139.259	11.007.212.210
Đầu tư tài chính dài hạn	10.999.788.614	10.957.238.148
Tổng cộng	214.525.840.822	152.230.608.781
Công nợ tài chính		
Vay và nợ	196.744.241.115	155.951.319.452
Phải trả người bán	66.396.614.570	77.756.183.942
Phải trả khác	22.337.747.331	50.764.242.209
Chi phí phải trả	242.542.347	10.329.467.891
Tổng cộng	285.721.145.363	294.801.213.494

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (Rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản VND	Công nợ VND
Tiền gửi có gốc ngoại tệ	30.360.719.564	-
Tiền gửi có kỳ hạn có gốc ngoại tệ	-	-
Công nợ phải thu khách hàng có gốc ngoại tệ	84.155.284.846	(26.943.946.879)
Cộng	114.516.004.410	(26.943.946.879)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014**Đơn vị tính: VND***Phân tích độ nhạy**

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng dolla Mỹ.

Nếu tỷ giá đồng ngoại tệ so với đồng Việt Nam tăng 10% thì tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ của Công ty sẽ tăng tương ứng như sau:

Tiền gửi ngoại tệ sau khi cần trừ	87.572.057.531
Tỷ giá tăng	10,00%
Thay đổi Lợi nhuận trước thuế	<u>8.757.205.753</u>

Quản lý rủi ro lãi suất:

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay. Rủi ro này được Công ty duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi từ các nguồn vay thích hợp.

Ban Tổng Giám đốc sử dụng các khoản tín dụng cấp bởi khách hàng thông qua việc ứng trước tiền hàng với lãi suất thấp để hạn chế sự phụ thuộc vào nguồn vay dài hạn của Ngân hàng.

Quản lý rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp nước ngoài (nhập khẩu).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không thực hiện các nghĩa vụ trong Hợp đồng dẫn đến tổn thất tài chính cho Cty. Cty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi để đánh giá Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Công ty đã đánh giá khả năng thu hồi và trích lập dự phòng hầu hết số dư nợ phải thu của khách hàng có nợ xấu và được trình bày tại thuyết minh số V.3

4. Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Trong năm 2014, Công ty Savimex có thực hiện các giao dịch sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	<u>Năm 2014</u> VND	<u>Năm 2013</u> VND
Tổng Cty TM Sài Gòn - TNHH MTV (Satra)	Tổng Cty	Mua lại các căn hộ	26.877.500.000	59.430.880.000
Eland Vietnam	Cổ đông	Cho vay ngắn hạn	31.500.000.000	-
Eland Vietnam	Cổ đông	Bán hàng	91.341.340	-

Trong năm 2014, Công ty Savimex có bán hàng cho Công ty Eland Vietnam với doanh thu là 4.942.768.175 VND và giá vốn là 3.208.868.521 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014**Đơn vị tính: VND***5. Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc**

	<i>Năm 2014</i>	<i>Năm 2013</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Lương	1.356.000.000	720.000.000
Tiền thưởng	-	186.000.000
Cộng	1.356.000.000	906.000.000

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 bộ phận hoạt động chủ yếu như sau:

Bộ phận sản xuất: Sản xuất đồ gỗ; bao bì tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; trang trí nội thất,

Bộ phận kinh doanh bất động sản: Xây dựng và kinh doanh căn hộ; mua bán bất động sản,

Cung cấp các dịch vụ khác bao gồm: Cho thuê văn phòng, nhà cửa và đất đai; Dịch vụ quản lý cao ốc.



Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

	Sản xuất gỗ	Kinh doanh Bất động sản	Cung cấp dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
	31/12/2014	31/12/2014	31/12/2014	31/12/2014	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	269.163.363.619	158.768.853.035	475.055.386.635	(315.275.950.162)	587.711.653.127
Tổng tài sản hợp nhất	269.163.363.619	158.768.853.035	475.055.386.635	(315.275.950.162)	587.711.653.127
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	286.532.397.053	143.871.446.698	218.829.010.113	(315.275.950.162)	333.956.903.702
Tổng nợ phải trả hợp nhất	286.532.397.053	143.871.446.698	218.829.010.113	(315.275.950.162)	333.956.903.702
	Sản xuất gỗ	Kinh doanh Bất động sản	Cung cấp dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
	31/12/2013	31/12/2013	31/12/2013	31/12/2013	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	229.181.115.895	736.632.108.181	34.333.038.436	(346.198.240.776)	653.948.021.736
Tổng tài sản hợp nhất	229.181.115.895	736.632.108.181	34.333.038.436	(346.198.240.776)	653.948.021.736
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	213.506.681.750	469.955.417.669	34.754.806.945	(346.198.240.776)	372.018.665.588
Tổng nợ phải trả hợp nhất	213.506.681.750	469.955.417.669	34.754.806.945	(346.198.240.776)	372.018.665.588



Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

	Đơn vị tính: VND			
	Sản xuất gỗ Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014	Kinh doanh Bất động sản Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014	Cung cấp dịch vụ khác Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014	Tổng cộng Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng ra ngoài	520.395.464.649	157.784.045.986	12.277.707.500	690.457.218.135
Doanh thu cho các bộ phận	(26.206.321.158)		(1.955.883.456)	(28.162.204.614)
Tổng doanh thu	494.189.143.491	157.784.045.986	10.321.824.044	662.295.013.521
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Các khoản giảm trừ	38.230.068	2.810.182	-	41.040.250
Doanh thu thuần	494.150.913.423	157.781.235.804	10.321.824.044	662.253.973.271
Tổng chi phí:	509.183.112.649	137.751.021.812	25.331.543.122	672.265.677.583
Giá vốn đã loại giao dịch nội bộ	464.854.144.242	135.673.842.353	6.278.726.987	606.806.713.582
- Giá vốn	491.060.465.400	135.673.842.353	6.278.726.987	633.013.034.740
- Giá vốn đã loại trừ của bộ phận	(26.206.321.158)			(26.206.321.158)
Chi phí bán hàng không phân bổ	13.203.232.029	1.153.876.873	-	14.357.108.902
Chi phí quản lý không phân bổ	31.125.736.378	923.302.586	19.052.816.135	51.101.855.099
- Chi phí quản lý	31.125.736.378	923.302.586	21.008.699.591	53.057.738.555
- Chi phí quản lý loại trừ bộ phận			(1.955.883.456)	(1.955.883.456)
Doanh thu từ các khoản đầu tư (tài chính)	1.515.738.988	-	1.459.557.693	2.975.296.681
Chi phí tài chính	6.271.244.157	201.230.645	871.885.011	7.344.359.813
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(19.787.704.395)	19.828.983.347	(14.422.046.396)	(14.380.767.444)
Phần lợi nhuận trong các Công ty liên doanh	55.056.786			55.056.786
Lãi / Lỗ khác	(1.072.354.406)	(4.931.577.010)	(10.782.018)	(6.014.713.434)
Lợi nhuận trước thuế	(20.805.002.015)	14.897.406.337	(14.432.828.414)	(20.340.424.092)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.502.990.715	(37.184.099)	3.465.806.616
Thu nhập thuế thu nhập DN hoãn lại	-	71.968.569	37.184.099	109.152.668
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	(20.805.002.015)	11.322.447.053	(14.432.828.414)	(23.915.383.376)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

b. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý - Báo cáo bộ phận thứ yếu

Các hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện toàn bộ tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, do đó Công ty không phân tích báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế kiểm toán.

Người lập biểu



Võ Vĩnh Đạt

Kế toán trưởng



Phạm Hoàng Sơn

Lập, ngày 26 tháng 01 năm 2015

Tổng Giám đốc



Lim Hong Jin





CÔNG TY CỔ PHẦN
SAVIMEX

194 Nguyễn Công Trứ - Quận 1-TP.HCM
Điện thoại: 38.292.806 – Fax: 38.299.642

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2015

SỐ: **179**/2015/SAV/CBTT/CV

SỐ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH	
SỐ: 3611	Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HCM
ĐẾN Ngày: 25/3/15	
Chuyển: NTK	
Lưu hồ sơ	

CÔNG BỐ THÔNG TIN

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HCM**

Công ty: Cổ Phần Hợp Tác Kinh Tế và Xuất Nhập Khẩu Savimex.

Trụ sở chính: 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 38.292.844 Fax: (08) 38.299.642

Người thực hiện công bố thông tin: Võ Vĩnh Đạt – Phòng Kế toán Tài chính

Địa chỉ: 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 38.292.844 Fax: (08) 38.299.642

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Giải trình chênh lệch lợi nhuận 2014 trước và sau Kiểm toán.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu Văn thư & Cbtt

VÕ VĨNH ĐẠT



CÔNG TY CỔ PHẦN
SAVIMEX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp HCM

ĐT : 37.179.937 - Fax: 37.179.934

Số: **0148** /2015/SAV/KTTC.CV

Savimex, ngày **24** tháng 03 năm 2014

V/v: Giải trình biến đổi Lợi nhuận trước và sau Kiểm toán

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HCM**

Căn cứ Luật chứng khoán sửa đổi bổ sung số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010,
Căn cứ thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán,
Căn cứ kết quả Báo cáo tài chính Kiểm toán 2014.

Công ty CP Hợp Tác Kinh Tế và Xuất Nhập Khẩu (Cty Savimex) xin giải trình về chênh lệch lợi nhuận trước và sau Kiểm toán năm 2014 các năm như sau:

Bảng tóm tắt số liệu Báo cáo Quyết toán tài chính trước và sau Kiểm toán năm 2014:

DIỄN GIẢI	SAVIMEX	KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH	TỶ LỆ
1	2	3	4 = 3 - 2	5 = (4/3) x 100%
D. thu thuần bán hàng và cung cấp dv	662.703.756.153	662.253.973.271	(449.782.882)	-0,07%
Lợi nhuận gộp	58.827.425.698	55.447.259.689	(3.380.166.009)	-6,10%
Chi phí giá vốn	603.876.330.455	606.806.713.582	2.930.383.127	0,48%
Chi phí tài chính	4.900.011.758	7.289.303.027	2.389.291.269	32,78%
Chi phí khác	9.228.437.503	7.223.757.317	(2.004.680.186)	
Lợi nhuận trước thuế	(16.724.209.999)	(20.340.424.092)	(3.616.214.093)	17,78%
Lợi nhuận trước Kiểm toán so với số liệu Kiểm toán giảm			(3.616.214.093)	17,78%

Các khoản chi phí tăng:

Kết chuyển C/p tài chính phần lãi vay đã vốn hóa vào thiết bị: 3.845.867.470
(Lãi vay trung hạn mua máy móc thiết bị đơn vị đưa vào nguyên giá phân bổ dần qua hình thức khấu hao) 2.296.906.106
Lãi vay ước tính bổ sung giá vốn thực tế dự án Ngọc Lan 1.378.078.823
Lãi vay Eland tạm tính - Chi phí sử dụng vốn trích trước 77.815.068
Chi phí dự phòng, khác - Bổ sung theo quy định 93.067.473

Các khoản chi phí giảm:

Giảm khấu hao do giảm nguyên giá lãi vay vốn hóa tài sản 128.765.678
Tặng Doanh thu chưa phân bổ quản lý D/A Ngọc Lan 77.500.000
Điều chỉnh giảm trích lập dự phòng 23.387.699

Điều chỉnh tăng chi phí - Giảm lợi nhuận - (1) - (2)

3.616.214.093

Do đó lợi nhuận trước thuế của Kiểm toán giảm và lợi nhuận sau thuế giảm

Công ty Savimex xin giải trình Ủy Ban Chứng Khoán và Sở Giao Dịch Chứng Khoán được biết,

Trân trọng



XÁC NHẬN KIỂM TOÁN

TỔNG GIÁM ĐỐC
Đỗ Khắc Thanh

CTY CP HTKT & XNK SAVIMEX
TỔNG GIÁM ĐỐC



LIM HONG JIN



CÔNG TY CỔ PHẦN
SAVIMEX

194 Nguyễn Công Trứ - Quận 1-TP.HCM
Điện thoại: 38.292.806 – Fax: 38.299.642

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2015

SỐ 178/2015/SAV/CBTT/CV

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP.HỒ CHÍ MINH

Số: 9609
ĐẾN Ngày: 25/3/15
Chuyển: N/A
Lưu hồ sơ số:

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HCM

Công ty: Cổ Phần Hợp Tác Kinh Tế và Xuất Nhập Khẩu Savimex.

Trụ sở chính: 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 38.292.844 Fax: (08) 38.299.642

Người thực hiện công bố thông tin: Võ Vĩnh Đạt – Phòng Kế toán Tài chính

Địa chỉ: 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 38.292.844 Fax: (08) 38.299.642

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Giải trình ý kiến ngoại trừ Kiểm toán 2014.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN



Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu Văn thư & Cbtt

VÕ VĨNH ĐẠT



CÔNG TY CỔ PHẦN
SAVIMEX

194 Nguyễn Công Trứ – Quận 1
ĐT: 38.292.917 - Fax: 38.299.642

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
☪☪☪

TP. HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2015

SỐ: 0149 2015/SAV/KTTC.CV

V/v: Ý kiến Kiểm toán Báo cáo tài chính 2014.

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HCM

- Căn cứ Luật chứng khoán sửa đổi bổ sung số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010,
- Căn cứ Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán,
- Căn cứ Báo cáo kiểm toán 2014,

Theo đó Báo cáo Kiểm toán niên độ 2014 kiểm toán viên có những ý kiến sau:

- Trong năm 2014, Công ty thực hiện phân bổ lãi vay cho các khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động hoạt động sản xuất kinh doanh là 4.986.757.981 đồng và phân bổ vào các dự án là 5.345.729.912 đồng,

Đơn vị xin có ý kiến như sau:

- Lĩnh vực kinh doanh Cty Savimex là sản xuất, xuất khẩu đồ gỗ; bất động sản; Trong năm 2014 đơn vị có thực hiện vay vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (Sản xuất và hoạt động dự án) – việc vay vốn là cho toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh và dự án tại Đơn vị. Quá trình sử dụng vốn tại đơn vị không thể phân định rõ ràng vì trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh sự biến động về sử dụng vốn thay đổi liên tục nên đơn vị phân bổ một phần chi phí lãi vay như trên vào hoạt động dự án. Hiện tại, do tình hình chung bất động sản vẫn còn gặp nhiều khó khăn, các dự án dở dang triển khai chậm. Khi dự án hoàn thành, đủ điều kiện ghi nhận doanh thu đơn vị sẽ kết chuyển lãi lỗ theo quy định,

Đơn vị xin giải trình cho Sở Giao Dịch Chứng Khoán được biết,

Trân trọng,

[Signature]

TỔNG GIÁM ĐỐC
Đỗ Khắc Thanh

CTY CP BFKT & XNK SAVIMEX
TỔNG GIÁM ĐỐC

[Signature]

LIM HONG JIN

Nơi nhận:

- Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở GDCK - TP.HCM
- Lưu